

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2023/DS-PT

Ngày: 18 - 8 - 2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Phi Kbuôr

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Kim Khánh

Ông Vũ Văn Tú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 160/2023/TLPT-DS ngày 14/6/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2023/DS-ST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 211/2023/QĐ-PT ngày 24/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 182/2023/QĐ-PT ngày 08/8/2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Quách Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ X, Tổ dân phố Z, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Hà Văn TH, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố O, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

**Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Hà Văn TH:** Bà Trần Bá Lan V, sinh năm 1999; địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**3. Người kháng cáo:** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Quách Thị T trình bày có nội dung như sau:*

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 17/8/2022 bà T có cho ông Hà Văn TH vay số tiền 850.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 30 ngày (kể từ ngày 17/8/2022 đến 16/9/2022), lãi suất do các bên thỏa thuận miệng. Đến ngày 20/8/2022 bà cho ông TH vay tiếp số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày

kể từ ngày 20/8/2022 đến ngày 22/8/2022, lãi suất do các bên thỏa thuận miệng. Việc vay mượn tiền được lập thành hợp đồng vay tiền ngày 17/8/2022 và ngày 20/8/2022, ông TH đã ký xác nhận vào 02 hợp đồng vay, khoản vay không có tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, khi vay tiền ông TH có tín chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) đất số BB 168747 do UBND huyện K cấp cho ông Đinh Văn T1, bà Cao Thị Diệu H và GCNQSD đất số BG 581084 do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn K1, bà Phan Thị B1 (02 Giấy chứng nhận này đã chuyển nhượng cho ông TH và hợp đồng góp vốn của ông TH). Việc ông TH giao GCNQSD đất cho bà giữ là nhằm mục đích tạo sự tin tưởng để bà cho vay tiền mà không phải là tài sản để bảo đảm cho khoản vay và thống nhất khi nào ông TH trả tiền thì bà sẽ trả lại GCNQSD đất cho ông TH.

Khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận bà T đã nhiều lần yêu cầu ông TH trả nợ nhưng ông TH cố tình trốn tránh, không trả nợ. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông TH phải trả số tiền nợ là 1.350.000.000 đồng theo 02 hợp đồng vay tiền ngày 17/8/2022 và ngày 20/8/2022, đồng thời yêu cầu ông TH phải trả tiền lãi theo quy định kể từ ngày vay cho đến khi ông TH trả xong nợ. Sau khi ông TH trả nợ thì bà sẽ giao trả lại cho ông TH 02 GCNQSD đất mà hiện bà còn đang giữ.

*\* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Văn TH là bà Trần Bá Lan V trình bày có nội dung như sau:*

Không có việc ông TH vay tiền của bà T, chữ ký và chữ viết “Hà Văn TH” trong hợp đồng vay tiền ngày 17/8/2022 và hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2022 không phải chữ ký và chữ viết của ông Hà Văn TH. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về việc được Tòa án yêu cầu chứng minh chữ ký và chữ viết trong 02 hợp đồng vay tiền không phải là chữ ký, chữ viết của bị đơn thì bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông TH trong 02 hợp đồng vay tiền nêu trên, bị đơn không cung cấp cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 168747 và GCNQSD đất số BG 581084 do UBND huyện K cấp, còn việc tại sao bà T lại giữ tín chấp 02 GCNQSD đất nêu trên thì bị đơn không biết.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DSST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị T

1. Buộc ông Hà Văn TH phải trả cho bà Quách Thị T tổng số tiền 1.473.650.750 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 1.350.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 24/4/2023) là 123.650.750 đồng.

*Trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn TH còn phải*

*chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

Bà Quách Thị T phải giao trả lại cho ông Hà Văn TH giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 168747 do UBND huyện K cấp cho ông Đinh Văn T1, bà Cao Thị Diệu H và số BG 581084 do UBND huyện K cấp cho ông Nguyễn K1, bà Phan Thị B1 đã chuyển nhượng cho ông Hà Văn TH.

2. Về án phí: Ông Hà Văn TH phải nộp 56.209.500 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Hoàn trả cho bà Quách Thị T số tiền 26.250.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0009286 ngày 13/10/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/5/2023 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Trần Bá Lan V có đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Trần Bá Lan V, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 20/2023/DSST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:** Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ, do đó Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

**[2]. Về nội dung:**

[2.1] Nguyên đơn bà Quách Thị T trình bày vào ngày 17/8/2022 bị đơn ông Hà Văn TH có vay của bà số tiền 850.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập Hợp đồng cho vay tiền, thời hạn trả nợ là ngày 16/9/2022, hai bên có thỏa thuận lãi suất và ông TH có thể chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 168747 và số BG 581084; Tiếp đến ngày 20/8/2022 bị đơn ông TH vay tiếp của bà số tiền 500.000.000 đồng, khi vay hai bên cũng lập Hợp đồng cho vay tiền, thời hạn trả nợ là ngày 22/8/2022 và hai bên có thỏa thuận lãi suất, nhưng đến nay ông TH chưa

trả khoản tiền nào cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Hà Văn TH phải trả cho bà 1.350.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vay đến khi trả nợ xong. Tuy nhiên, bên phía bị đơn cho rằng ông TH không vay tiền của bà T, chữ ký chữ viết trong 02 Hợp đồng cho vay tiền nêu trên không phải chữ ký, chữ viết của ông TH nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù bên phía bị đơn ông Hà Văn TH không thừa nhận việc vay tiền của nguyên đơn bà Quách Thị T nhưng theo trình bày của bà T và theo Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 17/8/2022 và Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 20/8/2022 do bà T cung cấp có thể hiện rõ nội dung bên vay là ông Hà Văn TH, số tiền vay, thời hạn trả nợ, lãi suất, mục đích vay và dưới mục bên B (là bên vay) thì có chữ ký, chữ viết mà bà T xác định đó là chữ ký và chữ viết của ông Hà Văn TH. Tại kết luận giám định số 858/KL-KTHS, ngày 19/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận là chữ ký, chữ viết ghi họ tên “Hà Văn TH” cần giám định với chữ ký, chữ viết trong mẫu so sánh của ông Hà Văn TH là do cùng một người ký và viết ra, tức là chữ viết chữ ký trong Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 17/8/2022 và Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 20/8/2022 do bà T cung cấp cho Tòa án là chữ viết chữ ký của ông Hà Văn TH. Ngoài ra, khi ông TH vay tiền của bà T thì có tín chấp cho bà T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, bên phía bị đơn không có cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào khác để chứng minh cho ý kiến của mình.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định vào ngày 17/8/2022 ông TH có vay tiền của bà T với số tiền là 850.000.000 đồng và ngày 20/8/2022 ông TH vay tiếp tiền của bà T với số tiền 500.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, buộc ông TH trả cho bà T tổng số tiền nợ gốc là 1.350.000.000 đồng và số tiền lãi suất phát sinh là có căn cứ nên đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất: Do các bên đương sự không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

[2.3] Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 168747 và số BG 581084 do UBND huyện K cấp thì theo biên bản về việc xác minh điều kiện thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K vào ngày 19/5/2023 (Bút lục số 98) thì bà Quách Thị T đã nộp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Chi cục thi hành án dân sự huyện K để giải quyết việc thi hành án nên hiện nay bà T không còn giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Do vậy, cần sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

**[3]. Về chi phí giám định:** Do yêu cầu trưng cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Hà Văn TH phải chịu 6.800.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Quách

Thị T được nhận lại số tiền 6.800.000 đồng sau khi thu được của bị đơn ông Hà Văn TH.

Đối với số tiền tạm ứng chi phí giám định còn lại là: 8.000.000đ – 6.800.000đ = 1.200.000 đồng thì Tòa án đã trả lại cho bà Quách Thị T và bà T đã nhận đủ số tiền 1.200.000 đồng.

**[4]. Về án phí:**

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo quy định.

**[5].** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị T**

- Buộc ông Hà Văn TH phải trả cho bà Quách Thị T tổng số tiền 1.473.650.750 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn bảy trăm năm mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc 1.350.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2023) là 123.650.750 đồng.

*Trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn TH còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

- Ghi nhận việc bà Quách Thị T đã giao nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện K 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 168747 do UBND huyện K cấp ngày 22/7/2013 cho ông Đinh Văn T1, bà Cao Thị Diệu H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 581084 do UBND huyện K cấp ngày 13/9/2012 cho ông Nguyễn K1, bà Phan Thị B1 (ông TH đã nhận chuyển nhượng và được chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện K chỉnh lý sang tên).

**2. Về án phí:**

### 2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Hà Văn TH phải chịu 56.209.500 đồng (Năm mươi sáu triệu hai trăm lẻ chín ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Quách Thị T số tiền 26.250.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009286 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Hà Văn TH phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông TH đã nộp (bà Trần Bá Lan V nộp thay) theo biên lai thu số 0022372 ngày 29/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Về chi phí giám định: Bị đơn ông Hà Văn TH phải chịu số tiền 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm ngàn đồng) tiền chi phí cho việc giám định chữ ký, chữ viết. Bà Quách Thị T được nhận lại số tiền 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm ngàn đồng) nêu trên sau khi thu được của bị đơn ông Hà Văn TH.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Y Phi Kbuôr**